

Bản án số: 1229/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Hồng;

Ông Trần Quốc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: đường C, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc V, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường C, Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Ngọc V tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí

Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong việc nuôi dạy con, không có tiếng nói chung nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà và ông V đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Vì vậy, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên N, sinh ngày: 11/8/2016.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Ngọc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; thủ tục cấp, tổng đạt.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trương Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ Ngọc V, do ông V cư trú tại quận V, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Võ Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 121/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không có cùng quan điểm sống và trong việc nuôi dạy con. Sau khi kết hôn, bà T có bầu được 3 tháng thì hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông V là có thật, cuộc sống gia đình không có sự vun đắp, không cùng chia sẻ tình cảm và trách nhiệm, vợ chồng không có hạnh phúc.

Qua kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận vợ chồng hiện nay không còn sống chung. Xét lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án đã triệu tập ông V đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông đều vắng mặt và không có tại phiên tòa xét xử. Bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có con chung tên N, sinh ngày: 11/8/2016. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo kết quả xác minh của Hội phụ nữ Phường S, quận V cùng lời khai của bà T thì trẻ hiện

do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp.

Do bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh T ly hôn ông Võ Ngọc V.

(Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121/2015, quyền số 01/2015 ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao con chung tên N, sinh ngày 11/8/2016 cho bà Trương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Ngọc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trương Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026118 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND phường M, quận T, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Viễn Thoa